ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2026
(Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 743 /QĐ-ĐHSP ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DTS

3. Địa chỉ các trụ: Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: *https://tuyensinh.tnue.edu.vn*

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): *https://tuyensinh.tnue.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh*

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0856.986.828 hoặc 0961.692.468

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...): *https://tnue.edu.vn và https://tnue.edu.vn/ba-cong-khai*

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1 Đối tượng:

- Thí sinh đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông.
- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm.

1.2 Điều kiện dự tuyển:

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế tuyển sinh ban hành tại Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ GD&ĐT đối với chương trình đào tạo giáo viên đăng ký dự tuyển.
- Thí sinh có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- Thí sinh có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Bảng 1. Các phương thức xét tuyển

TT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Đối tượng xét tuyển
1	PT1: Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT	Thí sinh đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông
2	PT2: Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT kết hợp Thi năng khiếu trong năm 2026 (đối với ngành Giáo dục Thể chất)	
3	PT3: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	

TT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Đối tượng xét tuyển
4	PT4: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 kết hợp Thi năng khiếu (đối với ngành Giáo dục Thể chất)	
5	PT5: Xét tuyển theo Kết quả trung bình chung học tập toàn khóa trong bảng điểm (sổ học tập) trình độ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm của thí sinh đăng ký tuyển sinh	Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào (Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào)

3.1.1. Đối tượng đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông

1) Xét tuyển theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2026: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định đối với chương trình đào tạo giáo viên sau khi có kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2026.

2) Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT hoặc theo Kết quả học bạ bậc THPT kết hợp Thi năng khiếu (đối với ngành Giáo dục Thể chất), thí sinh có thể đạt một trong các ngưỡng sau:

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên theo khoản 1 Điều 9 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

- Đối với xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất, thí sinh có kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên.

3.1.2. Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm ngành khác thì phải đạt một trong các ngưỡng sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10.

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên.

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

- Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020, có điểm trung bình trung học tập toàn khóa đạt từ 5,0 trở lên.

3.2. Điểm trúng tuyển

Bảng 2. Quy đổi điểm trúng tuyển

TT	Phương thức xét tuyển	Quy đổi độ lệch điểm so với phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 cùng tổ hợp	Quy tắc quy đổi Điểm trúng tuyển
1	Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT	Có công thức quy đổi riêng cho từng tổ hợp xét tuyển	Quy đổi về tổ hợp gốc của PT thi tốt nghiệp THPT (PTXT gốc) và thang điểm xét là 30 điểm
2	Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT kết hợp Thi năng khiếu trong năm 2026 (đối với ngành Giáo dục Thể chất)		
3	Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026		
4	Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 kết hợp Thi năng khiếu trong năm 2026 (đối với ngành Giáo dục Thể chất)		
5	Xét tuyển theo Kết quả trung bình chung học tập toàn khóa trong bảng điểm (sổ học tập) trình độ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm của thí sinh đăng ký tuyển sinh		Thang điểm xét tuyển là 30 điểm

Ghi chú: *Điểm xét tuyển chỉ áp dụng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực, sẽ không áp dụng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.*

4. Số lượng tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định trên cơ sở năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo và nhu cầu sử dụng nhân lực của các địa phương.

Bảng 3: Phương thức xét tuyển, tổ hợp các ngành đào tạo

TT	Mã xét tuyển/ Mã ngành	Tên ngành/tên chương trình	Phương thức tuyển sinh cho đối tượng đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông	Phương thức tuyển sinh cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp cao đẳng hoặc đại học
1	7140201	Giáo dục Mầm non	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (GDCD) C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử	- Phương thức xét tuyển: PT5 Xét theo Kết quả trung bình chung học tập toàn khóa trong bảng điểm (sổ học tập) trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử	
3	7140205	Giáo dục Chính trị	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: X70: Ngữ văn, GDKT&PL (GDCD), Lịch sử X74: Ngữ văn, GDKT&PL (GDCD), Địa lí X01: Ngữ văn, GDKT&PL (GDCD), Toán	
4	7140206	Giáo dục Thể chất	- Phương thức xét tuyển: PT2, PT4 - Tổ hợp xét tuyển: T01: Ngữ Văn, Toán, Năng khiếu T03: Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu T08: Ngữ văn, GDKT&PL (GDCD), Năng khiếu	
5	7140209	Sư phạm Toán học	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học A01: Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh D01: Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh	- Phương thức xét tuyển: PT5 Xét theo Kết quả trung bình chung học tập toàn khóa trong bảng điểm (sổ học tập) trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học
6	7140210	Sư phạm Tin học	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học A01: Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh D01: Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh X06: Toán (Hệ số 2), Vật lí, Tin học	
7	7140211	Sư phạm Vật lý	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lí, Ngữ văn	

TT	Mã xét tuyển/ Mã ngành	Tên ngành/tên chương trình	Phương thức tuyển sinh cho đối tượng đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông	Phương thức tuyển sinh cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp cao đẳng hoặc đại học
8	7140212	Sư phạm Hoá học	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Hóa học, Vật lí B00: Toán, Hóa học, Sinh học C02: Toán, Hóa học, Ngữ văn	
9	7140213	Sư phạm Sinh học	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: B00: Toán, Sinh học, Hóa học B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn	
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: C00: Ngữ văn (hệ số 2), Lịch sử, Địa lí D01: Ngữ văn (hệ số 2), Toán, Tiếng Anh	- Phương thức xét tuyển: PT5 Xét theo Kết quả trung bình chung học tập toàn khóa trong bảng điểm (sổ học tập) trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD)	
12	7140219	Sư phạm Địa lý	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: C00: Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)	
13	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: D01: Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán D15: Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí	
14	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Hóa học, Vật lí B00: Toán, Hóa học, Sinh học	
15	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	- Phương thức xét tuyển: PT1, PT3 - Tổ hợp xét tuyển: C00: Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)	

Ghi chú:

Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT.

Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT kết hợp Thi năng khiếu trong năm 2026 đối với ngành Giáo dục Thể chất.

Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026.

Phương thức 4 (PT4): Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 kết hợp Thi năng khiếu trong năm 2026 đối với ngành Giáo dục Thể chất.

Phương thức 5 (PT5): Xét theo Kết quả trung bình chung học tập toàn khóa trong bảng điểm (sổ học tập) trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học.

5. Tổ chức tuyển sinh

5.1. Đối tượng đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông

5.1.1. Thời gian tuyển sinh

- Đợt 1: Tháng 9 năm 2026 (đợt chính)
- Đợt 2: Tháng 11 năm 2026 (đợt bổ sung)

Căn cứ vào tình hình thực tế, Trường sẽ thông báo điều chỉnh, bổ sung các đợt tuyển sinh.

5.1.2. Hình thức đào tạo

Đào tạo hình thức vừa học vừa làm. Sinh viên học tập trung tại Trường Đại học Sư phạm, đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Sinh viên cần phải tích lũy đủ số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

5.1.3. Xét tuyển

5.1.3.1. Hồ sơ xét tuyển gồm

- Phiếu đăng ký tuyển sinh *(mẫu Phụ lục I)*.
- Giấy chứng nhận Kết quả thi năng khiếu Thể dục thể thao của các cơ sở đào tạo khác thi trong năm 2026 (*đối với thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục Thể chất*)
- Sơ yếu lý lịch.
- Bản sao học bạ bậc THPT.
- Bản sao giấy chứng tốt nghiệp THPT hoặc bằng tốt nghiệp THPT.
- Bản sao giấy khai sinh.
- Bản sao Căn cước.
- 02 ảnh 4x6 (chụp trong khoảng 6 tháng tính đến khi đăng ký tuyển sinh).
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

5.1.3.2. Đăng ký tuyển sinh

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại địa chỉ https://dangky.tnue.edu.vn. Các đợt xét tuyển, đợt 1: Trước 17h00 ngày 20/8/2026, đợt 2: Trước 17h00 ngày 15/10/2026.
- Đối với môn thi năng khiếu Thể dục thể thao để xét tuyển vào ngành Giáo dục Thể chất, thí sinh có thể đăng ký thi năng khiếu của Trường Đại học Sư phạm. Đợt 1: Trước 17h00 ngày 05/5/2026. Đợt 2: Trước 17h00 ngày 13/6/2026 tại địa chỉ *https://dangky.tnue.edu.vn*. Phiếu đăng ký năng khiếu thí sinh xem tại Phụ lục II.
- Thí sinh có thể nộp Hồ sơ bản cứng trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Ban tuyển sinh Đại học (Phòng 302 – nhà A2), Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên. SĐT: 0856.986.828 (Cô Vũ Thị Hồng Hạnh), đợt 1: Trước 17h00 ngày 20/8/2026, đợt 2: Trước 17h00 ngày 20/10/2026 (tính theo dấu bưu điện).

5.1.3.3. Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT hoặc Xét tuyển theo Kết quả học bạ bậc THPT kết hợp Thi năng khiếu trong năm 2026 đối với ngành Giáo dục Thể chất

- Các tổ hợp xét tuyển (xem trong Bảng 3)

- Xét theo tổng điểm trung bình (ĐTB) của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điểm xét tuyển = ĐTB môn 1 + ĐTB môn 2 + ĐTB môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể: *Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách.*

- Điểm trung bình môn trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình của học kỳ I, học kỳ II các lớp 10, lớp 11, lớp 12 trong học bạ (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

Ví dụ: Điểm trung bình môn 1 là môn Toán (ĐTB môn 1)

ĐTB môn Toán = (ĐTB Toán kì 1 lớp 10 + ĐTB Toán kì 2 lớp 10 + ĐTB Toán kì 1 lớp 11 + ĐTB Toán kì 2 lớp 11 + ĐTB Toán kì 1 lớp 12 + ĐTB Toán kì 2 lớp 12)/6

- Điểm trúng tuyển sẽ lấy từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

- Đối với môn năng khiếu Thể dục thể thao *(thí sinh sử dụng kết quả thi năng khiếu thể thao của các cơ sở đào tạo khác thi trong năm 2026).* Hội đồng tuyển sinh sẽ xét duyệt và ra quyết định công nhận kết quả khi có cùng nội dung thi năng khiếu Thể dục thể thao của Trường Đại học Sư phạm.

5.1.3.4. Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026 hoặc Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026 kết hợp Thi năng khiếu trong năm 2026 đối với ngành Giáo dục Thể chất

- Các tổ hợp xét tuyển (xem trong Bảng 3)

- Xét theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể: Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách.

Ví dụ, Điểm xét tuyển ngành Sư phạm Toán học = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Toán *2)*3/4 + Điểm ưu tiên (nếu có) với tổ hợp D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh):

*Điểm xét tuyển = (Điểm Toán *2+ Điểm Văn + Điểm Tiếng Anh)*3)/4 + Điểm ưu tiên (nếu có).*

5.2. Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm.

5.2.1. Thời gian tuyển sinh

Nhà trường bắt đầu nhận hồ sơ từ tháng 4 đến tháng 12 trong năm 2026.

5.2.2. Hình thức đào tạo

Đào tạo hình thức liên thông vừa học vừa làm theo hệ thống tin chỉ. Sinh viên có thể học tập trung theo kế hoạch vào các ngày cuối tuần tại Trường Đại học Sư phạm hoặc tại các đơn vị liên kết đào tạo với Trường. Sinh viên cần phải tích lũy đủ số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

5.2.3. Tổ chức tuyển sinh

5.2.3.1. Hồ sơ xét tuyển gồm

- Phiếu đăng ký tuyển sinh (*mẫu Phụ lục I*).
- Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương).
- 02 Bản sao Bằng tốt nghiệp (trình độ TCSP; CĐSP; ĐHSP) có công chứng.
- 02 Bản sao Bảng điểm (trình độ TCSP; CĐSP; ĐHSP) có công chứng.
- Chứng chỉ Quốc phòng - An ninh hoặc bảng điểm chứng nhận đã hoàn thành học phần Quốc phòng – An ninh.
- Bản sao Giấy khai sinh.
- Bản sao Căn cước.
- 02 ảnh 4x6 (chụp trong khoảng 6 tháng tính đến khi đăng ký tuyển sinh)
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

5.2.3.2. Đăng ký tuyển sinh

a) Thí sinh có nguyện vọng học tại Trường Đại học Sư phạm

- Thí sinh đăng ký theo số điện thoại zalo của giảng viên phụ trách từng ngành để được hướng dẫn cụ thể:

TT	Ngành học	Giảng viên phụ trách	Số điện thoại zalo
1	Giáo dục Tiểu học	TS. Lâm Thùy Dương	0915459454
2	Giáo dục Mầm non	TS. Trương Thị Thùy Anh	0974147422
3	Sư phạm Toán học	TS. Nguyễn Thị Ánh Hằng	0911227996
4	Sư phạm Tin học	TS. Nguyễn Văn Trường	0915016063

TT	Ngành học	Giảng viên phụ trách	Số điện thoại zalo
5	Sư phạm Vật lý	ThS. Đặng Thị Hương	0915225385
6	Sư phạm Hóa học	TS. Đinh Thúy Vân	0986476985
7	Sư phạm Sinh học	TS. Nguyễn Vũ Bão	0867960256
8	Sư phạm Ngữ văn	ThS. Lưu Thu Trang	0334140714
9	Sư phạm Lịch sử	PGS.TS Hà Thị Thu Thủy	0912804549
10	Sư phạm Địa lý	TS. Nguyễn Thanh Mai	0972751579
11	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	TS. Nguyễn Thanh Mai	0972751579
12	Giáo dục Chính trị	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790
13	Giáo dục Thể chất	ThS. Lê Văn Hùng	0981212682
14	Sư phạm Tiếng Anh	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0868319626
15	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	TS. Nguyễn Vũ Bão	0867960256

- Căn cứ số lượng thí sinh đăng ký đủ mở lớp (20-30 học viên), giảng viên sẽ báo cáo Phòng Đào tạo để tổ chức mở lớp theo quy định.

- Thí sinh có thể nộp Hồ sơ bản cứng trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Ban tuyển sinh Đại học (Phòng 302 – nhà A2), Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên. SĐT: 0856.986.828 (Cô Vũ Thị Hồng Hạnh).

b) Thí sinh có nguyện vọng học tại địa phương

- Đăng ký tại các đơn vị liên kết với Trường là các trường đại học, cao đẳng, trung cấp hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh đủ điều kiện liên kết đào tạo *(xem Phụ lục III)*. Sau khi có văn bản đồng ý về việc liên kết của UBND các tỉnh, công văn của đơn vị liên kết đề nghị, Nhà trường sẽ báo cáo Đại học Thái Nguyên và xây dựng kế hoạch tuyển sinh khi Đại học Thái Nguyên duyệt chỉ tiêu từng ngành.

- Thí sinh chủ động liên hệ, nộp hồ sơ tuyển sinh bản cứng trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ các đơn vị đủ điều kiện liên kết đào tạo với Trường.

5.2.4. Xét tuyển

- Cách xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Điểm TBC học tập toàn khóa x 3 + Điểm ưu tiên khu vực + điểm ưu tiên đối tượng (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh.

- Xét đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.

- Xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

5.2.5. Tổ chức đào tạo

Khối lượng kiến thức người học phải tích lũy để xét tốt nghiệp theo chương trình đào tạo tối thiểu 120-130 tín chỉ (tùy theo từng chương trình đào tạo và không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng an ninh).

- Người có bằng Trung cấp sư phạm phải học để có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh trước khi xét tốt nghiệp đại học.

- Đối tượng liên thông từ Trung cấp sư phạm và liên thông từ Cao đẳng sư phạm ngành khác, được bảo lưu, chuyển đổi kết quả tối đa 20% khối lượng học tập trong chương trình đã học.

- Đối tượng liên thông từ Cao đẳng sư phạm đúng ngành, Đại học sư phạm được bảo lưu, chuyển đổi kết quả từ 10% đến 50% khối lượng học tập trong chương trình đã học tùy theo đối tượng và chương trình đào tạo.

Lưu ý: Khối lượng kiến thức được bảo lưu, chuyển đổi kết quả học tập do Hội đồng liên thông xác định và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi tổ chức đào tạo.

- Hoạt động dạy - học được thực hiện trực tiếp (tại Trường Đại học Sư phạm hoặc tại trụ sở của đơn vị liên kết đào tạo) kết hợp với dạy học trực tuyến (online) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

6.1. Học phí đào tạo đối với hình thức vừa học vừa làm

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tín chỉ/học viên

Nhóm ngành đào tạo giáo viên	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
Các lớp tuyển sinh mới từ năm 2026	470	Tăng theo lộ trình	Tăng theo lộ trình

6.2. Học phí đào tạo đối với hình thức liên thông vừa học vừa làm

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tín chỉ/học viên

Nhóm ngành đào tạo giáo viên	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
Các lớp tuyển sinh mới từ năm 2026	450	500	550

(Mức thu học phí có thể được điều chỉnh theo lộ trình tăng học phí của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Cán bộ tuyển sinh:
- Trưởng phòng Phòng Đào tạo: Vũ Thị Hồng Hạnh
- Điện thoại: 0856.986.828
- Email: hanhvth@tnue.edu.vn

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 3 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ★ ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN ★

PGS.TS. Từ Quang Tân

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 743 /QĐ-ĐHSP ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026

1. Ngành đăng ký tuyển sinh (*Sư phạm*): .....
2. Họ và tên thí sinh: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính: .....
5. Dân tộc: .....
6. Hộ khẩu (*Phường /Xã – Tỉnh*):.....
.....
.....
7. Tốt nghiệp tại Trường: .....
8. Tốt nghiệp ngành đào tạo:.....
9. Trình độ tốt nghiệp (THPT/trung cấp sư phạm/cao đẳng sư phạm/đại học sư phạm):.
.....
10. Xếp loại tốt nghiệp (trung bình/khá/giỏi/xuất sắc): .....
11. Năm tốt nghiệp ngành đào tạo (tháng – năm):.....
12. Số CCCD: .....
13. Số điện thoại:..... 14. Email: .....

....., *ngày tháng năm 2026*

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

TÚI HỒ SƠ TUYỂN SINH GỒM:
1) **Phiếu đăng ký tuyển sinh**.*
2) Sơ yếu lý lịch (mua ở hiệu sách, có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương).
3) **02 Bản sao bằng tốt nghiệp** * (THSP; CĐ; ĐHSP) công chứng. Khi nhập học phải xuất trình bản chính để đối chiếu.
4) **02 Bản sao bảng điểm** * (các trình độ đã học) công chứng.
5) Chứng chỉ An ninh - Quốc phòng (chương trình hệ CĐSP hoặc ĐHCQ) nếu có.
6) **02 Bản sao giấy khai sinh** *.
7) **Chứng minh nhân dân /CCCD** * (bản phô-tô).
8) 02 ảnh 3 x4 (chụp trong khoảng 6 tháng tính đến khi đăng ký tuyển sinh, ghi họ tên, ngày sinh ở mặt sau).
9) Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Ghi chú: * *Bắt buộc hồ sơ phải có giấy tờ trên*

Địa chỉ gửi chuyển phát nhanh: *Phòng Đào tạo, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên. Số điện thoại hỗ trợ: 0961.962.468 (đ/c Thắng).*

Thông tin tuyển sinh xem tại ***tuyensinh.tnue.edu.vn***

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 743 /QĐ-ĐHSP ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ
DỰ THI MÔN NĂNG KHIẾU NĂM 2026

Họ và tên thí sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... **Giới tính:**.....**Dân tộc:**.....

Số CCCD: | | | | | | | | | | | | |

Hộ khẩu thường trú (*ghi rõ xã/phường - tỉnh*):.....

.....

Nơi học THPT (*ghi rõ tên trường THPT, xã/phường - tỉnh*):.....

.....**Năm tốt nghiệp THPT:**.....

Học lực: Năm lớp 10:..... Năm lớp 11:..... Năm lớp 12:.....

Số điện thoại:.....**Email:**.....

Địa chỉ báo tin:.....

Chế độ ưu tiên: *Khu vực ưu tiên*: ☐ *Đối tượng ưu tiên*: ☐

1. Đăng ký xét tuyển vào:

Mã trường | **D** | **T** | **S** | **Tên trường:** Trường Đại học Sư phạm

2. Đăng ký dự thi môn năng khiếu:

2.1: Ngành.....

2.2: Ngành.....

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

THÍ SINH

(Thí sinh ký, ghi rõ họ tên)

Thông tin tuyển sinh và hướng dẫn thi năng khiếu, thí sinh xem tại ***tuyensinh.tnue.edu.vn***

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 743 /QĐ-ĐHSP ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

CÁC ĐƠN VỊ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐỦ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH LIÊN THÔNG VLVH NĂM 2026

TT	Tên đơn vị liên kết	Tỉnh	Ghi chú
1.	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghiệp	Bắc Ninh	
2.	Trường CĐ Bắc Giang	Bắc Ninh	
3.	Trường CĐSP Bắc Ninh	Bắc Ninh	
4.	Trung tâm GDTX Bắc Kạn	Thái Nguyên	
5.	Trung tâm GDTX tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	
6.	Trung tâm GDTX tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	
7.	Phân hiệu ĐHTN tại Hà Giang	Tuyên Quang	
8.	Trường CĐ Công thương Việt Nam	Hà Nội	
9.	Trường CĐ Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Hà Nội	
10.	Trường Đại học Hải Dương	Hải Phòng	
11.	Trung tâm GDTX tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	
12.	Trung tâm GDTX Lai Châu	Lai Châu	
13.	Trung tâm GDTX, TH&NN Lạng Sơn	Lạng Sơn	
14.	Trung tâm HN&GDTX Quảng Ninh	Quảng Ninh	
15.	Trung tâm GDTX Vĩnh Phúc	Phú Thọ	
16.	Trường CĐ Nghề Yên Bái	Yên Bái	

Danh sách các đơn vị liên kết sẽ được cập nhật nếu có điều chỉnh, bổ sung./.